TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM ĐỘNG
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05/6/2023
"*V/v: Chia tài sản sau khi Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG - TỈNH HƯNG YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Quang Nguyên và bà Đào Thị Hải Lý

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phan Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Động.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ Lý số 75/TLST-HNGĐ ngày 27/10/2022, về việc: "*Chia tài sản sau khi Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

**NgU đơn*: Bà Lê Thị U, sinh năm 1968; HKTT: Thôn Trung Hoàng, xã Thanh Bình, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

**Bị đơn:* Ông Nguyễn Thế C, sinh năm 1967; địa chỉ: Cụm dân cư số 12, thôn Đồng Lý, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. *Có mặt.*

-Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Công ty Luật TNHH H. Người đại diện theo pháp Luật: Bà Hà Thị S, Chức vụ: Giám đốc Công ty; Địa chỉ Liên Lạc: P2409 sảnh B, Tòa nhà HH2 Bắc Hà, số 15 đường Tố Hữu, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

-Người bảo vệ quyền và Lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Hà Thị S, Luật sư và ông Trần Trọng D, Luật gia, đều thuộc Công ty Luật TNHH Nam Hoàng – Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

**Những người có quyền Lợi, nghĩa vụ Liên quan:*

- Chị Nguyễn Thị Quỳnh L, sinh năm 1992; trú tại: Tòa nhà CT1, Chung cư Thông tấn xã, đường Nghiêm Xuân Yêm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

- Anh Nguyễn Hải N, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn Đồng Lý, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. *Vắng mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền Lợi, nghĩa vụ Liên quan anh Nguyễn Hải N: Công ty Luật TNHH Nam Hoàng. Người đại diện theo pháp Luật của Công ty Luật TNHH Nam Hoàng: Bà Hà Thị Son, Chức vụ: Giám đốc; địa chỉ Liên Lạc: P2409 sảnh B, Tòa nhà HH2 Bắc Hà, số 15 đường Tố Hữu, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

*Những người Làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn T. *Có mặt*.
- Ông Ngô Văn Q, sinh năm 1953. *Vắng mặt*.
- Ông Vũ Văn V, sinh năm 1969. *Vắng mặt.*
- Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1956. *Vắng mặt.*

Đều có địa chỉ: Thôn Đồng Lý, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản Lấy Lời khai của các đương sự và quá trình giải quyết vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Lê Thị U trình bày: Bà và ông Nguyễn Thế C đăng ký kết hôn năm 1991 tại UBND thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động. Sau khi kết hôn, bà chuyển khẩu về chung sống cùng gia đình ông C tại Đội 12, thôn Đồng Lý. Năm 1992, vợ chồng sinh được 01 con chung Là chị Nguyễn Thị Quỳnh L. Năm 1993, địa phương thực hiện Nghị quyết 03 của Tỉnh ủy Hải Hưng (cũ) về việc chia ruộng nông nghiệp theo tiêu chuẩn nhân khẩu của hộ gia đình. Khi đó, gia đình bà được chia 3 suất ruộng tiêu chuẩn gồm bà, ông C và chị Nguyễn Thị Quỳnh Ly. Năm 1995, do phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng bà đã thuận tình ly hôn theo Quyết định số 34 ngày 19/9/1995 của TAND huyện Kim Thi (cũ). Về phần tài sản chung trong Quyết định số 34 có ghi "*Anh C và chị U đã tự nguyện giải quyết với nhau, không có khoản nào phải giải quyết tại Tòa*". Tuy nhiên, thực tế bà và ông C không thỏa thuận gì về vấn đề tài sản chung Là quyền sử dụng đất nông nghiệp được chia năm 1993. Sau Ly hôn, ông C Là người quản Lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất nông nghiệp trên. Do không tự thỏa thuận được việc phân chia, ông C cho rằng toàn bộ diện tích đất nông nghiệp Là của ông nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kim Động giải quyết phân chia tài sản sau khi Ly hôn của bà và ông C đối với diện tích đất nông nghiệp tại thôn Đồng Lý, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Bà đề nghị ông C phải trả bà 01 suất diện tích đất nông nghiệp mà bà đã được chia vào năm 1993 có giá trị khoảng 123.000.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Thế C Là bà Hà Thị S trình bày: Ông C nhất trí với nguyên đơn về thời điểm kết hôn, thời điểm Ly hôn và con chung giữa ông và bà U. Tuy nhiên, ông C xác định, khi Ly hôn, ông, bà đã tự thỏa thuận với nhau về phần tài sản chung của vợ chồng nên không còn để phân chia. Điều này được thể hiện tại phần tài sản chung trong Quyết định số 34 ngày 19/9/1995 của TAND huyện Kim Thi (cũ) có ghi "*Anh C và chị U đã tự nguyện giải quyết với nhau, không có khoản nào phải giải quyết tại Tòa*". Năm 1995, sau khi Ly hôn thì bà U đã chuyển về nơi ở mới trên Hà Tây và không còn Liên quan đến diện tích đất nông nghiệp được chia. Hiện nay ông đang quản Lý hai thửa đất nông nghiệp có tổng diện tích Là 1.584 m^2. Năm 1998, UBND huyện Kim Động cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này và đứng tên chủ sử dụng hộ ông Nguyễn Thế C. Khi đó, hộ gia đình ông C có 03 nhân khẩu gồm ông C, cụ Trần Thị Nh (mẹ đẻ của ông C) và anh Nguyễn Hải N (con trai của ông C). Như vậy, bà U và chị L không hề được nhà nước giao đất và xác Lập quyền sử dụng đất khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1998. Khi địa phương thực hiện việc dồn điền, đổi thửa, hộ ông C được UBND huyện Kim Động cấp Lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 01/8/2004. Năm 2021, diện tích đất ruộng thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông C nằm trong quy hoạch nên có sự thỏa thuận thu hồi đất, các hộ gia đình đều được hỗ trợ bằng tiền. Trước yêu cầu khởi kiện của bà U và yêu cầu độc Lập của chị Ly, ông C có quan điểm không chấp nhận hai yêu cầu trên vì diện tích đất nông nghiệp mà ông đang quản Lý không có đất của bà U và chị Ly.

Người có quyền Lợi, nghĩa vụ Liên quan có yêu cầu độc Lập chị Nguyễn Thị Quỳnh L trình bày: Chị nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà U. Chị xác định bản thân có được chia 01 suất ruộng cùng với bố mẹ đẻ Là ông C, bà U. Đồng thời chị cũng đề nghị Tòa án yêu cầu ông C trả Lại 01 suất ruộng của chị tại thôn Đồng Lý, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên mà ông đang quản lý có giá trị khoảng 123.000.000 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền Lợi, nghĩa vụ Liên quan anh Nguyễn Hải N trình bày: Anh N nhất trí với quan điểm của ông C. Năm 1998, ông C được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó anh cũng Là một nhân khẩu trong hộ gia đình ông C nên anh có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đối với diện tích đất nông nghiệp đang có tranh chấp này. Do đó, anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà U và yêu cầu độc Lập của chị L.

Những người Làm chứng ông Ngô Văn Q, ông Vũ Văn V và ông Nguyễn Văn Th đều xác định: Năm 1993 khi thực hiện Nghị quyết 03 của Tỉnh ủy Hải Hưng (cũ), gia đình ông C có 03 nhân khẩu được chia ruộng Là ông C, bà U và chị L, mỗi nhân khẩu tiêu chuẩn được 1,48 sào. Đối với cụ Trần Thị Nh Là

thân nhân Liệt sĩ nên được chia ruộng tiêu chuẩn riêng, độc Lập với thửa ruộng nông nghiệp nhà ông C. Hiện thửa đất của cụ Nh đang do ông Nguyễn Văn Th quản lý, sử dụng. Đối với việc ông C trình bày anh Nguyễn Hải N được chia ruộng theo tiêu chuẩn Là không đúng vì anh N sinh ra sau thời điểm chia ruộng năm 1993 nên không được chia ruộng theo Nghị quyết 03 và theo quy định của tỉnh thì người chết đi không được lấy ruộng ra và người sinh sau năm 1993 thì không được chia ruộng.

Tòa án xác minh tại UBND thị trấn Lương Bằng được biết: Theo các tài Liệu về quản Lý đất nông nghiệp hiện đang Lưu trữ tại UBND thị trấn thể hiện, năm 1993, ông Nguyễn Thế C (Nguyễn Văn C), có vợ Là bà Lê Thị U (kết hôn năm 1991) và có con gái Là Nguyễn Thị Quỳnh L (Nguyễn Thị N), sinh năm 1992 đều sinh sống và sản xuất nông nghiệp tại thôn Đồng Lý nên cả ông C, bà U và chị L đều thuộc đối tượng được chia ruộng nông nghiệp tại địa phương. Mỗi nhân khẩu được chia tiêu chuẩn ruộng Là 1,466 sào Bắc Bộ (khoảng 528m^2), tổng diện tích được chia Là 1584m^2, gồm các thửa: thửa số 30/19, diện tích 108m^2, thửa số 1/23, diện tích 1080m^2, thửa số 54/22, diện tích 396m^2. Đến năm 1995, ông C và bà U Ly hôn.

Khi thực hiện chủ trương dồn điền đổi thửa, tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ ông C vẫn được giữ ngU Là 1584m^2, được chia thành hai thửa, gồm thửa số 269 TBĐ số 3, diện tích 396m^2 tại xứ đồng Cánh Thương, thôn Đồng Lý và thửa số 2, TBĐ số 1, diện tích 1188m^2 tại xứ đồng Đồng Đình, thôn Đồng Lý. Năm 2004, diện tích hai thửa đất nông nghiệp của ông C, bà U và chị Ly được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp đứng tên chủ hộ Là Nguyễn Văn C. Năm 2013, thực hiện đo đạc theo dự án VLAP, hộ ông C được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất nêu trên. Theo sổ địa chính UBND thị trấn quản Lý thì hộ ông Nguyễn Văn C đội 12- thôn Đồng Lý có căn cứ pháp lý là Quyết định số 881/ QĐ-UB.

Theo sổ đăng ký hộ khẩu đội 12- thôn Đồng Lý (không ghi rõ năm cụ thể, chỉ ghi năm phát hành sổ Là 198…..) thì ông Nguyễn Văn C chung sổ hộ khẩu với cụ Trần Thị Nh (chủ hộ). Trong sổ có ghi các thành viên trong hộ cụ Nh gồm Đoàn Thị D (con dâu), Nguyễn Anh H (cháu), Nguyễn Anh H (cháu), Nguyễn Mạnh H (cháu), Nguyễn Văn Th (con), Nguyễn Văn C (con), Lê Thị U (con dâu), Nguyễn Thị Ni (cháu). Tại dòng tên của bà Lê Thị U đã bị gạch ngang, thời điểm nào gạch và ý nghĩa của việc gạch tên thì không thể hiện. Có thể bà U đã Ly hôn với ông C nên đã chuyển khẩu đi nơi khác. Tuy những người trên đều chung sổ hộ khẩu với cụ Nh và do cụ Nh Làm chủ hộ, nhưng thời điểm năm 1993, khi chia ruộng thì trong danh sách chia ruộng thể hiện cụ Nh được chia riêng 1,13 suất ruộng (bao gồm cả tiêu chuẩn Liệt sĩ) Là 612m2; ông C được chia 03 suất ruộng

và ông Th được chia 05 suất ruộng. Khi thực hiện việc dồn thửa đổi ruộng năm 2004 thì trên sổ sách của thôn đội vẫn thể hiện thông tin cụ Trần Thị Nh được chia riêng 468m^2 đất nông nghiệp ngoài đồng do bị trừ 144m^2 đất kinh tế hộ gia đình. Hộ ông C vẫn nhận đủ 3 suất, hộ ông Thăng bị trừ 36m^2 đất kinh tế hộ gia đình.

Tòa án xác minh tại Phòng Tài ngU và Môi trường huyện Kim Động được cung cấp nội dung: UBND tỉnh Hưng Yên ra thông báo chấp thuận dự án đầu tư của Công ty Cổ phần dinh dưỡng Quảng Lộc, cho phép công ty được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân để chuyển đổi mục đích sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất nằm trong khu đất có diện tích khoảng 20.953 m^2. Do đó, trường hợp thực hiện dư án đầu tư mở rộng của Công ty Cổ phần dinh dưỡng Quảng Lộc thuộc trường hợp doanh nghiệp tự thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, không thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp Luật. Đối với thửa đất 02,TBĐ 01, diện tích 1188 m^2 của hộ ông Nguyễn Thế C, Phòng Tài nguyên và Môi trường chưa nhận được thông tin thu hồi đất hoặc quyết định thu hồi đất nào của UBND cấp có thẩm quyền.

Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đang có tranh chấp, kết quả như sau:

-Thửa đất số 269, TBĐ số 3 có diện tích đo đạc theo hiện trạng Là 396,4m^2, có giá Là: 396,4m^2 x 80.000 đồng = 31.712.000 đồng.

- Thửa đất số 02, TBĐ số 01 có diện tích đo đạc theo hiện trạng Là 1188,3 m^2 có giá Là: 1.188,3 m^2 x 80.000 đồng/m^2 = 95.064.000 đồng.

Tổng giá trị hai thửa đất trên Là: 31.712.000 đồng + 95.064.000 đồng = 126.776.000 đồng.

Tại phiên toà sơ thẩm:

-NgU đơn bà Lê Thị U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Nguyễn Thị Quỳnh L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu độc lập. Bà U xác định, cho đến nay bà và ông C vẫn chưa có thỏa thuận phân chia đối với diện tích đất nông nghiệp. Năm 1995, bà chỉ nhận số tiền 8.000.000 đồng do ông C bán ngôi nhà của vợ chồng ở thị trấn Lương Bằng. Bà không nhận số tiền 10.000.000 đồng, trong đó có 2.000.000 đồng tiền thỏa thuận ruộng như ông C trình bày. Bà U tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Bà U và chị L tự nguyện đề nghị Tòa án được chia chung và sử dụng chung diện tích đất nông nghiệp nếu được phân chia.

-Bị đơn ông Nguyễn Thế C xác định: Sau khi kết hôn với ông thì bà U có chuyển khẩu từ thị trấn Ân Thi về nhập cùng hộ khẩu với mẹ ông tại Đội 12, thôn Đồng Lý. Năm 1993, bà U và chị L có được chia ruộng tiêu chuẩn tại thôn Đồng

Lý cùng với ông, đó chính Là diện tích ruộng nông nghiệp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998 đứng tên hộ ông Nguyễn Thế C. Cụ Trần Thị Nh được chia ruộng tiêu chuẩn Liệt sĩ riêng, anh Nguyễn Hải N sinh năm 1997 nên không được chia ruộng. Năm 1995, khi vợ chồng Ly hôn thì ông đã đưa cho bà U tổng số tiền 10.000.000 đồng, bao gồm 8.000.000 đồng tiền bán căn nhà và 2.000.000 đồng tiền ruộng của bà U và chị L. Chính vì vợ chồng đã giải quyết xong về tài sản nên trong Quyết định công nhận thuận tình Ly hôn của Tòa án mới thể hiện nội dung vợ chồng đã tự nguyện giải quyết với nhau về tài sản. Kể từ đó đến nay đã 28 năm, bà U không quan tâm gì đến diện tích ruộng nông nghiệp nữa. Nay bà U Lại khởi kiện yêu cầu phân chia Là không có căn cứ nên ông không chấp nhận.

-Người Làm chứng ông Nguyễn Văn T (do ông C đề nghị đưa vào tham gia tố tụng tại phiên tòa) xác định ông chỉ biết việc vợ chồng ông C bán nhà tại thị trấn Lương Bằng cho ông năm 1995. Ngoài ra ông không chứng kiến, không biết việc ông C, bà U thỏa thuận phân chia ruộng nông nghiệp hay bất cứ tài sản nào khác.

-Người bảo vệ quyền và Lợi ích hợp pháp của ông C xác định: Theo thông tin trong sổ hộ khẩu của cụ Nh thể hiện tên bà U đã bị gạch xóa không rõ Lý do. Như vậy, tại thời điểm chia ruộng năm 1993 thì không có căn cứ vững chắc xác định bà U có hộ khẩu ở thôn Đồng Lý để được chia ruộng hay không. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp Lần đầu năm 1998 mang tên hộ ông Nguyễn Thế C thì Lúc đó chỉ có ông C, cụ Nh và anh N chung sổ hộ khẩu, không có bà U và chị Ly. Như vậy, bà U và chị L không được Nhà nước giao quyền sử dụng đất năm 1998. Mặt khác, tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của ông C và bà U năm 1995 thì hai bên đã tự nguyện giải quyết xong về tài sản. Do đó, đề nghị HĐXX bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà U và yêu cầu độc Lập của chị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp Luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp Luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Động. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ, không thuộc trường hợp phải thay đổi. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp Luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 29,33,59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 209, 213,219 BLDS năm 2015; Điều 28, điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của bà Lê Thị U và yêu cầu độc Lập của chị Nguyễn Thị Quỳnh Ly. Thửa số 269, TBĐ số 3, diện tích 396,4m^2 tại xứ đồng Cánh Thương và thửa số 2, TBĐ số 01, diện tích 1.188,3m^2 tại xứ đồng Đồng Đình được chia định suất theo phần của ông C, bà U và chị Ly. Chấp nhận sự tự nguyện của bà U và chị Ly về việc nhận chung theo phần. Ông C được tính công sức đóng góp trong việc duy trì khối tài sản chung.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp Luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1]. Về tố tụng: Bà Lê Thị U khởi kiện chia tài sản sau ly hôn với ông Nguyễn Thế C có đăng ký HKTT tại thôn Đồng Lý, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kim Động theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]. Về nguồn gốc các tài sản mà bà U, chị Quỳnh L đề nghị Tòa án giải quyết, phân chia trong vụ án này thì thấy: Qua các tài Liệu, chứng cứ đã thu thập được, Lời khai của bà U và những người làm chứng thể hiện: Năm 1993, thực hiện Nghị quyết 03 của Tỉnh ủy Hải Hưng (cũ), khi đó hộ gia đình ông C có 03 nhân khẩu được chia ruộng gồm ông C, bà U và chị L, mỗi nhân khẩu được chia 1,46 sào (tương đương 525,6 m^2/nhân khẩu) gồm các thửa: thửa số 30/19, diện tích 108m^2, thửa số 1/23, diện tích 1080m^2, thửa số 54/22, diện tích 396m^2. Khi thực hiện chủ trương dồn điền đổi thửa, tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ ông C vẫn được giữ nguyên là 1584m^2, được chia thành hai thửa, gồm thửa số 269 TBĐ số 3, diện tích 396m^2 tại xứ đồng Cánh Thương, thôn Đồng Lý và thửa số 2, TBĐ số 1, diện tích 1188m^2 tại xứ đồng Đồng Đình, thôn Đồng Lý. Điều này được chứng minh bởi Lời khai của ông Vũ Văn Vinh nguyên là bảo vệ thôn Đồng Lý, thành viên trong tổ chia ruộng năm 1993, hiện đang Là Phó trưởng thôn Đồng Lý; Lời khai của ông Ngô Văn Q, nguyên Đội trưởng Đội sản xuất số 12 thôn Đồng Lý năm 1993; Lời khai của ông Nguyễn Văn Th là anh trai của ông C; cung cấp của UBND thị trấn Lương Bằng và chính Lời khai của ông C tại phiên tòa xác định bà U, chị L được chia ruộng tiêu chuẩn năm 1993 cùng với ông và chính là diện tích ruộng hiện đang có tranh chấp trong vụ án.

Đối với quan điểm của người bảo vệ quyền và Lợi ích hợp pháp cho ông C cho rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ gia đình ông C năm 1998 có 03 nhân khẩu, ngoài ông C còn có 01 suất của cụ Nh và 01 suất của anh Nam, không có tiêu chuẩn ruộng của bà U và chị Ly Là không có căn cứ. Bởi Lẽ, anh N sinh năm 1997 sau khi thực hiện việc chia ruộng theo Nghị quyết 03 nên không được chia. Cụ Trần Thị Nh (mẹ đẻ của ông C) Là thân nhân Liệt sĩ nên được chia ruộng tiêu chuẩn riêng, độc Lập với diện tích đất

nông nghiệp nhà ông C. Hiện thửa đất của cụ Nh đang do ông Nguyễn Văn Th quản Lý, sử dụng. Mặt khác, nhận định này của vị Luật sư còn mâu thuẫn với chính Lời khai của ông C tại phiên tòa thừa nhận bà U và chị L được chia ruộng tiêu chuẩn năm 1993 nên không được HĐXX chấp nhận.

Đối với quan điểm của ông C và Luật sư cho rằng, năm 1995, ông C có đưa cho bà U số tiền 10.000.000 đồng, trong đó có 8.000.000 đồng tiền bán nhà và 2.000.000 đồng tiền ruộng, vợ chồng đã tự thỏa thuận giải quyết xong về tài sản chung khi Ly hôn và tại Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự số 34 ngày 19/9/1995 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thi (cũ) cũng thể hiện, phần tài sản chung đã tự nguyện giải quyết với nhau, không có khoản nào phải giải quyết tại Tòa án nên không còn tài sản để phân chia. Tuy nhiên, ông C không xuất trình được bất cứ tài Liệu, chứng cứ nào để chứng minh việc ông, bà đã tự thỏa thuận phân chia về tài sản chung. Trong khi đó, bà U không thừa nhận việc vợ chồng đã tự thỏa thuận giải quyết xong về tài sản mà chỉ thừa nhận có cầm số tiền bán nhà Là 8.000.000 đồng nên HĐXX không có căn cứ chấp nhận quan điểm này của ông C và Luật sư.

[3]. Từ những nhận định trên, HĐXX có căn cứ xác định thửa đất số 269 TBĐ số 3, diện tích đo đạc hiện trạng 396,4m^2 tại xứ đồng Cánh Thương thôn Đồng Lý, trị giá 31.712.000 đồng và thửa đất số 2, TBĐ số 1, diện tích đo đạc theo hiện trạng 1.188,3m^2 tại xứ đồng Đồng Đình, thôn Đồng Lý, trị giá 95.064.000 đồng Là tài sản chung của bà U, ông C và chị L. Yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau Ly hôn của bà Lê Thị U và yêu cầu độc Lập của chị Nguyễn Thị Quỳnh L đề nghị được phân chia đối với diện tích đất nông nghiệp được chia theo tiêu chuẩn năm 1993 tại Đội 12, thôn Đồng Lý, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên là phù hợp với quy định tại Điều 29, Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 209, Điều 213, Điều 219 Bộ Luật dân sự nên được HĐXX chấp nhận.

[4]. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Kim Động cấp Lần đầu ngày 6/1/1998 đứng tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn C, gồm thửa số 30/19, diện tích 108m^2, thửa số 1/23, diện tích 1080m^2, thửa số 54/22, diện tích 396m^2 được xác định Là tài sản thuộc quyền sử dụng chung của ông C, bà U và chị Ly. Sau khi được phân chia, các đương sự sẽ có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích được phân chia theo bản án có hiệu lực pháp Luật của Tòa án.

[6]. Do ông C có công sức trong việc trông nom, bảo quản số tài sản chung nên được áng trích công sức bằng diện tích đất 100m^2 tại thửa đất số 269, TBĐ số 3.

[7]. Xét yêu cầu được phân chia tài sản bằng hiện vật của bà U, chị L thì

thấy, đối với thửa đất số 02, TBĐ số 01 có diện tích đo đạc theo hiện trạng Là 1.188,3 m^2 có thể phân chia nên sẽ chia đều cho ông C, bà U và chị L, mỗi người được chia 396,1m^2.

Đối với thửa đất số 269, TBĐ số 3, diện tích sau khi trích trả ông C công sức trông nom, bảo quản tài sản bằng 100m^2 nên chỉ còn Lại 296,4m^2. Nếu phân chia sẽ không bảo đảm diện tích để canh tác cho mỗi người. Do đó, HĐXX sẽ giao cho ông C được sử dụng toàn bộ diện tích đất tại thửa 269, TBĐ số 3. Ông C có trách nhiệm thanh toán trả giá trị bằng tiền tương ứng với giá trị tài sản bà U và chị L được phân chia trong thửa đất này.

[8]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà U tự nguyện chịu toàn bộ và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[9]. Về án phí: Bà U, ông C và chị Ly phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tại phiên tòa Là có căn cứ, được chấp nhận.

Vì các Lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào các điều 29, 33, 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 209, Điều 213, Điều 219 Bộ Luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ Luật Tố tụng dân sự, điểm b, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội:

2. Xử:

2.1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngU đơn bà Lê Thị U và yêu cầu độc Lập của chị Nguyễn Thị Quỳnh L

Xác định thửa đất số 269, TBĐ số 3, Loại đất LUC có diện tích đo đạc theo hiện trạng Là 396,4 m^2, trị giá 31.712.000 đồng và thửa đất số 02, TBĐ số 01, Loại đất LUC, có diện tích đo đạc theo hiện trạng Là 1188.3 m^2, trị giá 95.064.000 đồng tại thôn Đồng Lý, thị trấn Lương Bằng hiện do ông Nguyễn Thế C đang quản Lý, sử dụng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp Lần đầu ngày 6/1/1998; cấp Lại ngày 1/8/2004 Là tài sản chung của ông Nguyễn Thế C, bà Lê Thị U và chị Nguyễn Thị Quỳnh L.

Áng trích công sức trông nom, bảo quản tài sản cho ông C bằng 100m^2 đất tại thửa đất số 269, TBĐ số 3, thôn Đồng Lý, thị trấn Lương Bằng.

2.2. Phân chia và giao cho ông Nguyễn Thế C được quyền quản Lý, sử dụng:

- Diện tích đất 396,1m^2 thuộc thửa đất số 02, TBĐ số 01, Loại đất LUC, trị giá 31.688.000 đồng tại thôn Đồng Lý, thị trấn Lương Bằng; có tứ cận: Bắc

giáp phần đất phân chia cho bà U và chị Ly dài 55,22m; Nam giáp đất hộ Liền kề dài 53,57m; Đông giáp bờ đất dài 7,27m; Tây giáp bờ đất dài 9,76m (hình E,H,I,K,L,M,N,D,E trên sơ đồ phân chia số 01);

- Diện tích đất 396,4m^2, trị giá 31.712.000 đồng thuộc thửa đất số 269, TBĐ số 3, Loại đất LUC tại thôn Đồng Lý, thị trấn Lương Bằng; có tứ cận: Bắc giáp bờ đất dài 8,04m; Nam giáp bờ đất dài 7,72m; Đông giáp hộ ông Tuân dài 50,52m; Tây giáp hộ bà Lập dài 50,12m. (Sơ đồ phân chia số 02).

2.3. Phân chia cho bà Lê Thị U và chị Nguyễn Thị Quỳnh L được quyền quản Lý, sử dụng diện tích đất 792,2m^2 thuộc thửa đất số 2, TBĐ số 01, Loại đất LUC tại thôn Đồng Lý, thị trấn Lương Bằng, trị giá 63.376.000 đồng; có tứ cận: Bắc giáp bờ đất dài 53,51m; Nam giáp phần đất phân chia cho ông C dài 55,22m; Đông giáp bờ đất dài 13,07m; Tây giáp bờ đất dài 14,53m. (Hình A,B,C,D,E,F,G,A trên sơ đồ phân chia số 01). Chấp nhận sự tự nguyện của bà U và chị Ly về việc được giao quản Lý, sử dụng chung đối với diện tích đất được phân chia.

(*Tứ cận, mốc giới, diện tích đất các đương sự được phân chia theo sơ đồ cụ thể kèm theo bản án*)

2.4. Buộc ông Nguyễn Thế C phải trả giá trị tài sản chênh Lệch cho bà Lê Thị U và chị Nguyễn Thị Quỳnh L, mỗi người số tiền Là 7.904.000 đồng. (*Bảy triệu, chín trăm Linh tư nghìn đồng)*

Kể từ ngày bản án có hiệu Lực pháp Luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ thi hành không thi hành sẽ phải chịu Lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 BLDS.

Các đương sự được quyền Liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được phân chia theo quy định pháp Luật.

2.5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Không xem xét, giải quyết.

2.6.Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự trên phần tài sản được phân chia. Cụ thể:

-Ông Nguyễn Thế C phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm Là 2.379.600 đồng.

-Bà Lê Thị U phải chịu 1.979.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.075.000 đồng theo biên Lai thu tạm ứng số 0002668 ngày 27/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Hoàn trả bà Lê Thị U số tiền tạm ứng án phí 1.095.400 đồng.

-Chị Nguyễn Thị Quỳnh L phải chịu 1.979.600 đồng án phí dân sự sơ

thẩm. Được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.075.000 đồng theo biên Lai thu tạm ứng số 0002711 ngày 13/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Hoàn trả chị Nguyễn Thị Quỳnh L số tiền tạm ứng án phí 1.095.400 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt ngU đơn, bị đơn, người có quyền Lợi, nghĩa vụ Liên quan có yêu cầu độc Lập chị L, người đại diện hợp pháp của người có quyền Lợi, nghĩa vụ Liên quan anh Nam. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tU án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-Phòng KTNV& THA-TAND tỉnh;
-VKSND huyện;
-Chi cục THADS huyện Kim Động
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hương